TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày 17 tháng 9 năm 2024
V/*v* "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Ông Nguyễn Hải Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Nhẫn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Nương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 25/6/2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2024/QĐST - HNGĐ ngày 12/9/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1988; địa chỉ: Xóm Tây, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc H, sinh năm: 1988; địa chỉ: Xóm Tây, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2024, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn ngày 18/8/2010 trên cơ cở tự nguyện và có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về sinh sống cùng anh H và gia đình anh H ngay. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng đầu năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, không tìm được tiếng nói chung trong việc phát triển làm ăn kinh tế gia đình, ngoài ra giữa chị và anh H lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Chị T, anh H đã tự hòa giải nhiều lần để vợ chồng hòa hợp nhưng không có kết quả, mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 3 năm 2024, chị và anh H ly thân, chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn Nguận, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh H có 03 con chung là cháu Lê Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2009; cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 15/10/2011 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/3/2014. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là cháu L và cháu T; giao cho anh H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu P. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị không đề nghị anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh H tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Anh và chị Lê Thị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Gián, huyện Yên Dũng. Khi kết hôn anh chị có tổ chức đám cưới theo phong tục địa P. Sau khi kết hôn, chị T có về nhà anh làm dâu sinh sống cùng anh và gia đình anh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, bản thân anh rất yêu thương vợ con. Năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do việc phát triển làm ăn kinh tế gia đình, do gia đình đông con, kinh tế lại càng khó khăn. Vợ chồng phải vay mượn ngân hàng và anh em khoản nợ lớn. Hai vợ chồng hàng tháng phải xoay sở để trả lãi xuất ngân hàng do vậy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Từ tháng 3 năm2024 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn Nguận, xã Dĩnh Trì, thành phố Bắc Giang để sinh sống, anh chị đã ly thân từ đó đến nay. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh, thì anh không nhất trí ly hôn chị T. Đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng về đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Trường

hợp hoà giải không thành thì anh đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị T có 03 con chung là cháu Lê Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2009; cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 15/10/2011 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/3/2014. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh, anh nhất trí để cho chị T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2009 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/3/2014. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được nuôi con chung là cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 15/10/2011. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh và chị T tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị T không rút đơn khởi kiện, bị đơn anh H không đồng ý với ý kiến của nguyên đơn. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Chị Lê Thị T trình bày: Chị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên lời khai đã khai, không bổ sung gì thêm.

Anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn không nhất trí ly hôn vì xác định anh và chị T vẫn còn tình cảm. Về con chung anh cũng nhất trí trong trường hợp Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh, anh đề nghị Tòa án cho chị T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Thị Hoài L và cháu Nguyễn Thị T; giao cho anh được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc P. Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ quy định của BLTTDS.

Đối với việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 28, 35, 39, 227, 228, 271, 273, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H.

- Về con chung: Giao cho chị T trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Lê Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2009 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/3/2014. Giao cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 15/10/2011.

- Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp đủ.

Kiến nghị khắc phục: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lê Thị T là nguyên đơn có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Ngọc H, anh H có hộ khẩu thường trú tại Xóm Tây, xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Nguyễn Ngọc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang vào ngày 18/8/2010. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị T và anh Nguyễn Ngọc H là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Chị T và anh H đều xác nhận vợ chồng kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Gián, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang vào ngày 18/8/2010.

Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn chị T nhưng bản thân anh H cũng xác nhận năm 2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do việc phát triển làm ăn kinh tế gia đình, do gia đình đông con, kinh tế lại càng khó khăn. Vợ chồng phải vay mượn ngân hàng và anh em khoản nợ lớn. Hai vợ chồng hàng tháng phải xoay sở để trả lãi xuất ngân hàng do vậy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng. Trong khoảng thời gian chung sống giữa hai vợ chồng không có quan hệ tình cảm, không quan tâm chăm sóc nhau. Hai bên đã tự hòa giải nhiều lần để vợ chồng hòa hợp nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bản thân anh H cũng xác nhận vợ chồng đã ly thân từ tháng 3 năm 2024 cho đến nay. Đồng thời anh cũng trình bày tuy anh không nhất trí ly hôn chị T nhưng trường hợp chị T cương quyết ly hôn anh, anh cũng đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án còn tiến hành xác minh tại địa P, phía ông Nguyễn Văn Mừng - Trưởng thôn Tây, xã Hương Gián cho biết: Chị T anh H kết hôn từ năm 2010, sau khi kết hôn về chung sống với nhau, thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến năm 2021 địa P có thông tin chị T và anh H mâu thuẫn, nguyên nhân địa P không nắm được, thời gian này chị T đã về nhà ngoại tại thôn Nguận, xã Dĩnh Trì sinh sống, thi thoảng có về thăm con. Từ đầu năm 2024 đến nay, địa P thấy chị T đã chuyển hẳn về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nay chị T đề nghị ly hôn với anh H, địa P đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên, chứng tỏ hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần xử cho chị T được ly hôn với anh H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh H sinh được 03 con chung là cháu Lê Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2009; cháu Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 15/10/2011 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/3/2014. Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, chị T, anh H đều thỏa thuận đề nghị Tòa án giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2009 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/3/2014. Giao cho

anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 15/10/2011. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Hoài L và Nguyễn Thị T; giao cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc P là phù hợp nguyện vọng của hai bên và phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi vợ chồng ly hôn chị T, anh H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này là phù hợp với các điều 58, 82 luật hôn nhân gia đình

[3.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị T, anh H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn anh Nguyễn Ngọc H

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lê Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Thị Hoài L, sinh ngày 02/12/2009 và Nguyễn Thị T, sinh ngày 03/3/2014. Giao cho anh Nguyễn Ngọc H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc P, sinh ngày 15/10/2011.

Sau khi ly hôn, chị T, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005249 ngày 24/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên D;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên D;
- UBND xã Hương Gián, huyện Yên D;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hải Lý **Đinh Thị Thu Huyền** **Nguyễn Thị Anh**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Hương Gián, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Anh

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND xã Tư Mại, huyện Yên Dũng;
- Lưu HS, Vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Thị Anh

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Anh